

uigeli.xyz ĐỀ 1	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: KHTN 7 KẾT NỐI TRI THỨC
---------------------------	---

A. TRẮC NGHIỆM: 4,0 điểm

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1: Kỹ năng trong việc tiến hành thí nghiệm là

- A. quan sát, đo.
- B. quan sát, phân loại, liên hệ.
- C. quan sát, đo, dự đoán, phân loại, liên hệ.
- D. đo, dự đoán, phân loại, liên hệ.

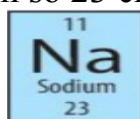
Câu 2: Có những hạt nào được tìm thấy trong hạt nhân của nguyên tử?

- A. Các hạt mang điện tích âm (electron).
- B. Các hạt neutron và hạt proton.
- C. Các hạt neutron không mang điện.
- D. Hạt nhân nguyên tử không chứa hạt nào bên trong.

Câu 3: Đơn vị tính để tính khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử) là

- A. Gam.
- B. Kilogam.
- C. đvC.
- D. Tấn.

Câu 4: Trong ô nguyên tố sau, con số 23 cho biết điều gì?



- A. Khối lượng nguyên tử của nguyên tố.
- B. Chu kì của nó.
- C. Số nguyên tử của nguyên tố.
- D. Số thứ tự của nguyên tố.

Câu 5: Hạt đại diện cho chất là

- A. nguyên tử.
- B. phân tử.
- C. electron.
- D. proton.

Câu 6: Công thức hoá học của một chất bao gồm

- A. Kí hiệu hoá học của các nguyên tố tạo nên chất.
- B. Chỉ số của các nguyên tố tạo nên chất.
- C. Kí hiệu hoá học của các nguyên tố và chỉ số chỉ số lượng nguyên tử của mỗi nguyên tố trong một phân tử chất.
- D. Kí hiệu hoá học của các nguyên tố và hoá trị của mỗi nguyên tố tạo nên chất.

Câu 7: Tốc độ của vật là

- A. Quãng đường vật đi được trong 1s.
- B. Thời gian vật đi hết quãng đường 1m.
- C. Quãng đường vật đi được.
- D. Thời gian vật đi hết quãng đường.

Câu 8: Đơn vị của tốc độ là

- A. m/s.
- B. m/h.

C. km/s.

D. dm/h.

Câu 9: Dụng cụ nào dưới đây dùng để đo tốc độ của một vật?

A. Nhiệt kế.

B. Đồng hồ đo thời gian hiện số và công quang.

C. Cân.

D. Lực kế.

Câu 10: Muốn đo được tốc độ của một vật đi trên một quãng đường nào đó, ta phải đo

A. độ dài quãng đường và thời gian vật đi hết quãng đường đó.

B. độ dài quãng đường mà vật đó phải đi.

C. thời gian mà vật đó đi hết quãng đường.

D. quãng đường và hướng chuyển động của vật.

Câu 11: Đơn vị dùng để đo độ cao của âm là

A. dB.

B. Hz.

C. Niu ton.

D. kg.

Câu 12: Máy tính cầm tay sử dụng năng lượng mặt trời đã chuyển hoá năng lượng ánh sáng thành

A. điện năng.

B. nhiệt năng.

C. hoá năng.

D. cơ năng.

Câu 13: Đại lượng nào sau đây cho biết mức độ nhanh hay chậm của chuyển động?

A. Quãng đường.

B. Thời gian chuyển động.

C. Vận tốc.

D. Cả 3 đại lượng trên.

Câu 14: Khi có phản xạ khuếch tán ta thấy ảnh của vật như thế nào?

A. Ảnh của vật ngược chiều.

B. Ảnh của vật cùng chiều.

C. Ảnh của vật quay một góc bất kì.

D. Không quan sát được ảnh của vật.

Câu 15: Đồ thị quãng đường - thời gian của chuyển động có tốc độ không đổi có dạng là đường gì?

A. Đường thẳng.

B. Đường cong.

C. Đường tròn.

D. Đường gấp khúc.

Câu 16: Hiện tượng phản xạ khuếch tán khác hiện tượng phản xạ gương như thế nào?

A. Hiện tượng phản xạ khuếch tán quan sát được ảnh của vật còn hiện tượng phản xạ gương thì không.

B. Hiện tượng phản xạ khuếch tán không quan sát được ảnh của vật còn hiện tượng phản xạ gương thì có.

C. Khi chiếu chùm tia sáng song song đến bề mặt nhẵn thì bị phản xạ theo một hướng đối với hiện tượng phản xạ khuếch tán và theo mọi hướng đối với hiện tượng phản xạ gương.

D. Cả A và C đều đúng.

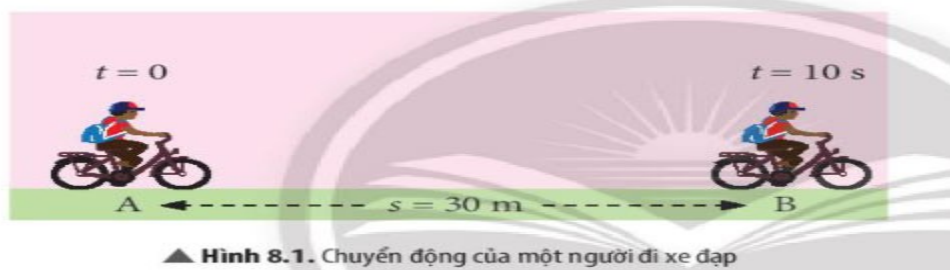
A. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 17: (1,0 điểm)

Trình bày khái niệm về nguyên tố hóa học? Khí carbon dioxide luôn có thành phần như sau: cứ 1 phần khối lượng carbon có tương ứng 2,667 phần khối lượng oxygen. Hãy lập công thức hóa học của khí carbon dioxide, biết khối lượng phân tử của nó là 44 amu.

Câu 18: (1,5 điểm)

- Nói tốc độ của ô tô là 35 km/h có ý nghĩa gì?
- Trình bày cách tính tốc độ của người đi xe đạp trong Hình 8.1.



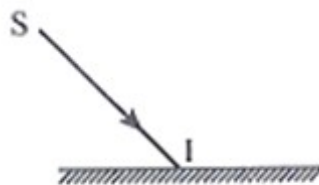
Câu 19: (2,0 điểm)

- Giải thích âm từ một dây đàn ghi – ta được gảy truyền đến tai ta như thế nào?
- Với dụng cụ thí nghiệm gồm: một ít hạt gạo một cái bát sứ một thìa inox một cái chảo bằng kim loại; một màng nylon bọc thức ăn; vài dây cao su. Hãy thiết kế phương án thí nghiệm chứng tỏ rằng khi dùng thìa inox gõ vào đáy chảo phát ra âm thanh dưới dạng sóng âm có thể truyền qua không khí tới màng nylon căng trên miệng bát sứ.

Câu 20: (1,5 điểm)

Trên hình 13.1 vẽ một tia sáng SI chiếu tới một gương phẳng. Góc tạo bởi tia SI với mặt gương bằng 45° .

- Hãy vẽ tiếp tia phản xạ
- Tính độ lớn của góc phản xạ.



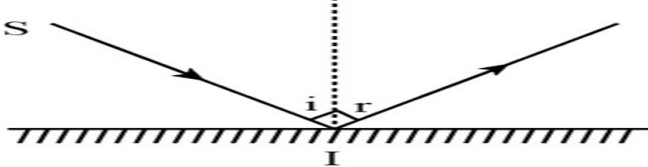
Hình 13.1

===== HẾT =====

A. Trắc nghiệm khách quan (4 điểm). Mỗi câu chọn đúng được 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	C	B	C	A	B	C	A	A	B	A	B	A	C	D	A	B

B. Tự luận. (6 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
17 (1,0 điểm)	- Nguyên tố hóa học là tập hợp những nguyên tử cùng loại, có cùng số P trong hạt nhân.	0,5
	$C_xO_y, \frac{12x}{16y} = \frac{1}{2,667} \leftrightarrow x=1; y=2$	0,25
	CTĐG: $(CO_2)_n = 44 \text{ amu} \Rightarrow$ CTHH: CO_2	0,25
18 (1,5 điểm)	Nói tốc độ của ô tô là 36km/h có nghĩa trong 1h ô tô đi được quãng đường 36km.	0,5
	- Xác định quãng đường chuyển động của người đi xe đạp từ A đến B: $s = 30 \text{ m}$. Xác định thời gian chuyển động của người đi xe đạp từ A đến B: $t = t_B - t_A = 10 - 0 = 10 \text{ s}$.	0,5
	- Xác định quãng đường người đi xe đạp đi được trong 1s: $s : t = 30 : 10 = 3 \text{ m}$.	0,5
19 (2,0 điểm)	a. - Âm từ một dây đàn ghi – ta được gảy truyền đến tai ta bằng cách: Khi dây đàn dao động làm cho lớp không khí tiếp xúc với nó dao động theo.	0,5
	- Lớp không khí dao động này lại làm cho lớp không khí kế tiếp nó dao động. Cứ thế, các dao động của nguồn âm được không khí truyền tới tai ta, làm cho màng nhĩ dao động khiến ta cảm nhận được âm phát ra từ nguồn âm.	0,5
	b. Bịt màng nylon căng trên miệng bát sứ, rắc vài hạt gạo lên trên. Dùng thìa inox gõ mạnh vào đáy chảo cho phát ra âm thanh ở gần miệng bát. Quan sát những hạt gạo trên màng nylon có bị nảy lên không.	0,5
	Nếu những hạt gạo bị nảy lên, điều đó chứng tỏ đáy chảo phát ra âm thanh dưới dạng sóng âm có thể truyền qua không khí tới màng nylon căng trên miệng bát sứ	0,5
20 (1,5 điểm)		0,5

	Theo định luật phản xạ ánh sáng: Góc tới = góc phản xạ Mà $i = 90^\circ - 45^\circ = 45^\circ$ Vậy góc phản xạ $r = 45^\circ$.	1,0
Học sinh có cách giải và trình bày khác đúng vẫn cho điểm tối đa		

uigeli.xyz ĐỀ 2	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: KHTN 7 KẾT NỐI TRI THỨC
---------------------------	---

A. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1: Con người có thể định lượng được các sự vật và hiện tượng tự nhiên dựa trên kĩ năng nào?

- A. Kĩ năng quan sát, phân loại. B. Kĩ năng liên kết tri thức.
C. Kĩ năng dự báo. D. Kĩ năng đo.

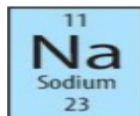
Câu 2: Trong hạt nhân nguyên tử, hạt mang điện là

- A. electron. B. proton.
C. neutron. D. proton và electron.

Câu 3: Đơn vị tính để tính khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử) là

- A. Gam. B. Kilogam. C. đvC. D. Tấn.

Câu 4: Trong ô nguyên tố sau, con số 23 cho biết điều gì?



- A. Khối lượng nguyên tử của nguyên tố. B. Chu kì của nó.
C. Số nguyên tử của nguyên tố. D. Số thứ tự của nguyên tố.

Câu 5: Hạt đại diện cho chất là

- A. nguyên tử. B. phân tử. C. electron. D. proton.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Công thức hoá học cho biết số nguyên tử của các nguyên tố có trong phân tử của chất.
B. Công thức hoá học cho biết các nguyên tố tạo nên chất.
C. Công thức hoá học cho ta biết được khối lượng phân tử của chất.
D. Công thức hoá học cho biết được trật tự liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử.

Câu 7: Tốc độ chuyển động của vật có thể cung cấp cho ta thông tin gì về chuyển động của vật?

- A. Cho biết hướng chuyển động của vật.
- B. Cho biết vật chuyển động theo quỹ đạo nào.
- C. Cho biết vật chuyển động nhanh hay chậm.
- D. Cho biết nguyên nhân vì sao vật lại chuyển động được.

Câu 8: Đơn vị của tốc độ là:

- A. m.h
- B. km/h
- C. m.s
- D. s/km

Câu 9: Trong phòng thí nghiệm, người ta thường sử dụng những dụng cụ đo nào để đo tốc độ của các vật chuyển động nhanh và có kích thước nhỏ?

- A. Thước, cổng quang điện và đồng hồ bấm giây.
- B. Thước, đồng hồ đo thời gian hiện số kết nối với cổng quang điện.
- C. Thước và đồng hồ đo thời gian hiện số.
- D. Cổng quang điện và đồng hồ bấm giây.

Câu 10: Muốn đo được tốc độ của một vật đi trên một quãng đường nào đó, ta phải đo

- A. độ dài quãng đường và thời gian vật đi hết quãng đường đó.
- B. độ dài quãng đường mà vật đó phải đi.
- C. thời gian mà vật đó đi hết quãng đường.
- D. quãng đường và hướng chuyển động của vật.

Câu 11: Đơn vị dùng để đo độ cao của âm là

- A. dB.
- B. Hz.
- C. Niu ton.
- D. kg.

Câu 12: Máy tính cầm tay sử dụng năng lượng mặt trời đã chuyển hoá năng lượng ánh sáng thành

- A. điện năng.
- B. nhiệt năng.
- C. hoá năng.
- D. cơ năng.

Câu 13: Tốc độ của vật là

- A. Quãng đường vật đi được trong 1s.
- B. Thời gian vật đi hết quãng đường 1m.
- C. Quãng đường vật đi được.
- D. Thời gian vật đi hết quãng đường.

Câu 14: Ảnh của vật qua gương phẳng có đặc điểm gì?

- A. Là ảnh ảo, không hứng được trên màn.
- B. Là ảnh thật, hứng được trên màn.
- C. Là ảnh ảo, hứng được trên màn.
- D. Là ảnh thật, không hứng được trên màn.

Câu 15: Đồ thị quãng đường - thời gian của chuyển động có tốc độ không đổi có dạng là đường gì?

- A. Đường thẳng.
- B. Đường cong.
- C. Đường tròn.
- D. Đường gấp khúc.

Câu 16: Hiện tượng phản xạ khuếch tán khác hiện tượng phản xạ gương như thế nào?

- A. Hiện tượng phản xạ khuếch tán quan sát được ảnh của vật còn hiện tượng phản xạ gương thì không.
- B. Hiện tượng phản xạ khuếch tán không quan sát được ảnh của vật còn hiện tượng phản xạ gương thì có.
- C. Khi chiếu chùm tia sáng song song đến bề mặt nhẵn thì bị phản xạ theo một hướng đối với hiện tượng phản xạ khuếch tán và theo mọi hướng đối với hiện tượng phản xạ gương.
- D. Cả A và C đều đúng.

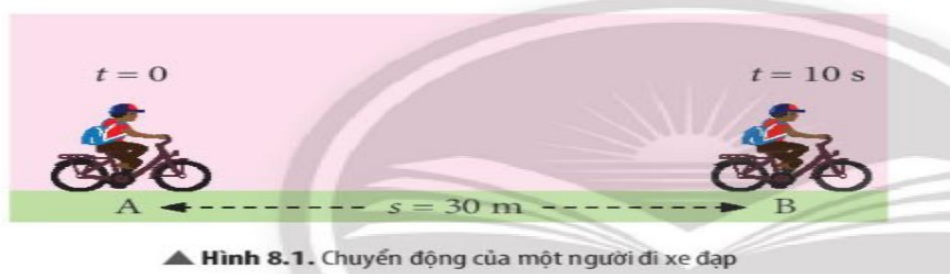
B. PHẦN TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 17: (1,0 điểm)

Trình bày khái niệm về nguyên tố hóa học? Khí carbon dioxide luôn có thành phần như sau: cứ 1 phần khối lượng carbon có tương ứng 2,667 phần khối lượng oxygen. Hãy lập công thức hóa học của khí carbon dioxide, biết khối lượng phân tử của nó là 44 amu.

Câu 18: (1,5 điểm)

- a. Nói tốc độ của ô tô là 80 km/h có ý nghĩa gì?
- b. Trình bày cách tính tốc độ của người đi xe đạp trong Hình 8.1.



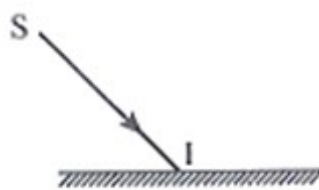
Câu 19: (2,0 điểm)

- a. Giải thích âm từ màng trống được đánh truyền đến tai ta như thế nào?
- b. Với dụng cụ thí nghiệm gồm: một ít hạt gạo một cái bát sứ một thìa inox một cái chảo bằng kim loại; một màng nylon bọc thức ăn; vài dây cao su. Hãy thiết kế phương án thí nghiệm chứng tỏ rằng khi dùng thìa inox gõ vào đáy chảo phát ra âm thanh dưới dạng sóng âm có thể truyền qua không khí tới màng nylon căng trên miệng bát sứ.

Câu 20: (1,5 điểm)

Trên hình 13.1 vẽ một tia sáng SI chiếu tới một gương phẳng. Góc tạo bởi tia SI với mặt gương bằng 45° .

- a. Hãy vẽ tiếp tia phản xạ
- b. Tính độ lớn của góc phản xạ.



Hình 13.1

===== HẾT =====

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 7

A. Trắc nghiệm khách quan (4 điểm). Mỗi câu chọn đúng được 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	D	B	C	A	B	D	C	B	B	A	B	A	A	A	A	B

B. Tự luận. (6 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
17 (1,0 điểm)	- Nguyên tố hóa học là tập hợp những nguyên tử cùng loại, có cùng số P trong hạt nhân.	0,5
	$C_xO_y, \frac{12x}{16y} = \frac{1}{2,667} \leftrightarrow x=1; y=2$	0,25
	CTĐG: $(CO_2)_n = 44 \text{ amu} \Rightarrow$ CTHH: CO_2	0,25
18 (1,5 điểm)	Nói tốc độ của ô tô là 80km/h có nghĩa trong 1h ô tô đi được quãng đường 80km.	0,5
	- Xác định quãng đường chuyển động của người đi xe đạp từ A đến B: $s = 30 \text{ m}$. Xác định thời gian chuyển động của người đi xe đạp từ A đến B: $t = t_B - t_A = 10 - 0 = 10 \text{ s}$.	0,5
	- Xác định quãng đường người đi xe đạp đi được trong 1s: $s : t = 30 : 10 = 3 \text{ m}$.	0,5
19 (2,0 điểm)	a. - Âm từ mặt trống được đánh truyền đến tai ta bằng cách: Khi mặt trống dao động làm cho lớp không khí tiếp xúc với nó dao động theo.	0,5
	- Lớp không khí dao động này lại làm cho lớp không khí kế tiếp nó dao động. Cứ thế, các dao động của nguồn âm được không khí truyền tới tai ta, làm cho màng nhĩ dao động khiến ta cảm nhận được âm phát ra từ nguồn âm.	0,5
	b. Bịt màng nylon căng trên miệng bát sứ, rắc vài hạt gạo lên trên. Dùng thìa inox gõ mạnh vào đáy chảo cho phát ra âm thanh ở gần miệng bát. Quan sát những hạt gạo trên màng nylon có bị nảy lên không.	0,5
	Nếu những hạt gạo bị nảy lên, điều đó chứng tỏ đáy chảo phát ra âm thanh dưới dạng sóng âm có thể truyền qua không khí tới màng nylon căng trên miệng bát sứ	0,5

- A. Công thức hoá học cho biết số nguyên tử của các nguyên tố có trong phân tử của chất.
 B. Công thức hoá học cho biết các nguyên tố tạo nên chất.
 C. Công thức hoá học cho ta biết được khối lượng phân tử của chất.
 D. Công thức hoá học cho biết được trật tự liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử.

Câu 7: Tốc độ chuyển động của vật có thể cung cấp cho ta thông tin gì về chuyển động của vật?

- A. Cho biết hướng chuyển động của vật.
 B. Cho biết vật chuyển động theo quỹ đạo nào.
 C. Cho biết vật chuyển động nhanh hay chậm.
 D. Cho biết nguyên nhân vì sao vật lại chuyển động được.

Câu 8: Đơn vị của tốc độ là:

- A. m.h B. km/h C. m.s D. s/km

Câu 9: Các phương tiện tham gia giao thông như ô tô, xe máy,... dùng dụng cụ nào để đo tốc độ?

- A. Thước B. Tốc kế C. Nhiệt kế D. Đồng hồ

Câu 10: Muốn đo được tốc độ của một vật đi trên một quãng đường nào đó, ta phải đo

- A. độ dài quãng đường và thời gian vật đi hết quãng đường đó.
 B. độ dài quãng đường mà vật đó phải đi.
 C. thời gian mà vật đó đi hết quãng đường.
 D. quãng đường và hướng chuyển động của vật.

Câu 11: Đơn vị dùng để đo độ cao của âm là

- A. dB. B. Hz. C. Niu ton. D. kg.

Câu 12: Máy tính cầm tay sử dụng năng lượng mặt trời đã chuyển hoá năng lượng ánh sáng thành

- A. điện năng. B. nhiệt năng. C. hoá năng. D. cơ năng.

Câu 13: Tốc độ của vật là

- A. Quãng đường vật đi được trong 1s.
 B. Thời gian vật đi hết quãng đường 1m.
 C. Quãng đường vật đi được.
 D. Thời gian vật đi hết quãng đường.

Câu 14: Ảnh của vật qua gương phẳng có đặc điểm gì?

- A. Là ảnh ảo, không hứng được trên màn.
 B. Là ảnh thật, hứng được trên màn.
 C. Là ảnh ảo, hứng được trên màn.
 D. Là ảnh thật, không hứng được trên màn.

Câu 15: Đồ thị quãng đường - thời gian của chuyển động có tốc độ không đổi có dạng là đường gì?

- A. Đường thẳng.

- B. Đường cong.
- C. Đường tròn.
- D. Đường gấp khúc.

Câu 16: Hiện tượng phản xạ khuếch tán khác hiện tượng phản xạ gương như thế nào?

- A. Hiện tượng phản xạ khuếch tán quan sát được ảnh của vật còn hiện tượng phản xạ gương thì không.
- B. Hiện tượng phản xạ khuếch tán không quan sát được ảnh của vật còn hiện tượng phản xạ gương thì có.
- C. Khi chiếu chùm tia sáng song song đến bề mặt nhẵn thì bị phản xạ theo một hướng đối với hiện tượng phản xạ khuếch tán và theo mọi hướng đối với hiện tượng phản xạ gương.
- D. Cả A và C đều đúng.

B. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 17: (1,0 điểm)

Trình bày khái niệm về nguyên tố hóa học? Khí carbon dioxide luôn có thành phần như sau: cứ 1 phần khối lượng carbon có tương ứng 2,667 phần khối lượng oxygen. Hãy lập công thức hóa học của khí carbon dioxide, biết khối lượng phân tử của nó là 44 amu.

Câu 18: (1,5 điểm)

Một học sinh đi xe đạp từ nhà đến trường mất 30 phút. Đoạn đường từ nhà đến trường dài 6km.

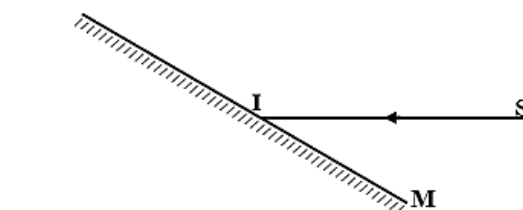
- a, Tính vận tốc của chuyển động?
- b, Ý nghĩa của con số tìm ở câu a?

Câu 19: (2,0 điểm)

- a. Giải thích âm từ một dây đàn ghi – ta được gảy truyền đến tai ta như thế nào?
- b. Với dụng cụ thí nghiệm gồm: một ít hạt gạo một cái bát sứ một thìa inox một cái chảo bằng kim loại; một màng nylon bọc thức ăn; vài dây cao su. Hãy thiết kế phương án thí nghiệm chứng tỏ rằng khi dùng thìa inox gõ vào đáy chảo phát ra âm thanh dưới dạng sóng âm có thể truyền qua không khí tới màng nylon căng trên miệng bát sứ.

Câu 20: (1,5 điểm)

Chiếu một tia sáng SI theo phương nằm ngang lên một gương phẳng như hình sau đây, biết $\widehat{SIM} = 45^\circ$ ta thu được tia phản xạ IR theo phương, chiều như thế nào? (Vẽ hình minh họa)



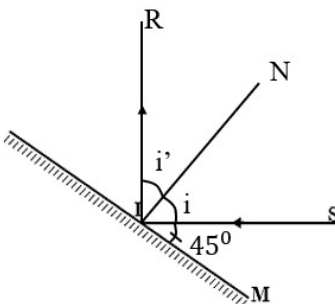
===== HẾT =====

ĐÁP ÁN

A. Trắc nghiệm khách quan (4 điểm). Mỗi câu chọn đúng được 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	C	B	C	A	B	D	C	B	B	A	B	A	A	A	A	B

B. Tự luận. (6 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
17 (1,0 điểm)	- Nguyên tố hóa học là tập hợp những nguyên tử cùng loại, có cùng số P trong hạt nhân.	0,5
	$C_xO_y, \frac{12x}{16y} = \frac{1}{2,667} \leftrightarrow x=1; y=2$	0,25
	CTĐG: $(CO_2)_n = 44 \text{ amu} \Rightarrow$ CTHH: CO_2	0,25
18 (1,5 điểm)	a. Vận tốc của chuyển động: $v_{tb} = \frac{s}{t} = 6/0,5 = 12(\text{km/h})$	1
	b, Ý nghĩa của con số 12km/h có nghĩa trong 1h người đi xe đạp đi được quãng đường dài 12km.	0,5
19 (2,0 điểm)	a. - Âm từ một dây đàn ghi – ta được gảy truyền đến tai ta bằng cách: Khi dây đàn dao động làm cho lớp không khí tiếp xúc với nó dao động theo.	0,5
	- Lớp không khí dao động này lại làm cho lớp không khí kế tiếp nó dao động. Cứ thế, các dao động của nguồn âm được không khí truyền tới tai ta, làm cho màng nhĩ dao động khiến ta cảm nhận được âm phát ra từ nguồn âm.	0,5
	b. Bịt màng nylon căng trên miệng bát sứ, rắc vài hạt gạo lên trên. Dùng thìa inox gõ mạnh vào đáy chảo cho phát ra âm thanh ở gần miệng bát. Quan sát những hạt gạo trên màng nylon có bị nảy lên không.	0,5
	Nếu những hạt gạo bị nảy lên, điều đó chứng tỏ đáy chảo phát ra âm thanh dưới dạng sóng âm có thể truyền qua không khí tới màng nylon căng trên miệng bát sứ	0,5
20 (1,5 điểm)		0,5

<p>Góc tới $i = 90^\circ - 45^\circ = 45^\circ$ Góc phản xạ bằng góc tới: $i = i' = 45^\circ$ Mà: $i + i' = 45^\circ + 45^\circ = 90^\circ$ Vậy tia IR vuông góc với tia SI, tia SI phương ngang nên tia IR phương thẳng đứng hướng từ dưới lên.</p>	1,0
Học sinh có cách giải và trình bày khác đúng vẫn cho điểm tối đa	

<p>uigeli.xyz</p> <p>ĐỀ 4</p>	<p>ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I</p> <p>NĂM HỌC 2024-2025</p> <p>MÔN: KHTN 7</p> <p>KẾT NỐI TRI THỨC</p>
--------------------------------------	--

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (5,0 ĐIỂM):

Câu 1. Để học tốt môn KHTN, chúng ta cần thực hiện và rèn luyện một số kỹ năng sau:

- A. quan sát, liên kết, phân loại, đo, dự báo, thuyết trình, viết báo cáo.
- B. quan sát, phân loại, liên kết, đo, thuyết trình, viết báo cáo, dự báo.
- C. quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo, thuyết trình, viết báo cáo.
- D. **quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo.**

Câu 2. Đơn vị sau đây **không phải** là đơn vị của tốc độ là:

- A. m/s
- B. km/h.
- C. **kg/m³.**
- D. Cả A và B

Câu 3. Cho các bước sau.

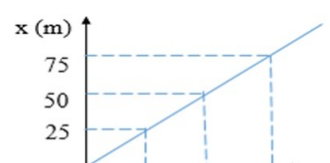
1. Dùng thước đo độ dài quãng đường s. Xác định vạch xuất phát và vạch đích.
2. Nhận xét kết quả đo.
3. Lập bảng ghi kết quả đo, tính trung bình quãng đường và thời gian trong 3 lần đo, sau đó tính tốc độ.
4. Dùng đồng hồ bấm giây đo thời gian tính từ khi bắt đầu chuyển động từ vạch xuất phát tới khi vượt qua vạch đích.
5. Thực hiện các phép đo 3 lần để lấy giá trị trung bình.

Thứ tự sắp xếp đúng các bước trong đo tốc độ bằng đồng hồ bấm giây là:

- A. (1) - (2) - (3) - (4) - (5).
- B. **(1) - (4) - (5) - (3) - (2).**
- C. (1) - (2) - (3) - (5) - (4).
- D. (2) - (1) - (3) - (5) - (4).

Câu 4. Thiết bị bắn tốc độ của Công an giao thông dùng để:

- A. **Đo tốc độ các phương tiện giao thông từ xa**
- B. Đo quãng đường chuyển động của các phương tiện giao thông từ xa
- C. Đo thời gian chuyển động của các phương tiện giao thông từ xa



D. Phát hiện tốc độ các phương tiện giao thông từ xa

Câu 5. Một vật chuyển động thẳng đều có đồ thị tọa độ theo thời gian như trên hình vẽ. Dựa vào đồ thị trên hãy cho biết vật chuyển động với vận tốc là bao nhiêu?

- A. 75m/s B. 50m/s **C. 25m/s** D. 150m/s

Câu 6: Kí hiệu hoá học của các nguyên tố Sodium, Calcium lần lượt là:

- A. Na, Ca** B. Ca, Zn. C. Na, K. D. Mg, Na.

Câu 7: Tổng số hạt trong nguyên tử X là 40, trong đó số hạt mang điện nhiều hơn số hạt không mang điện là 12. Số hạt Proton trong nguyên tử X là:

- A. 13.** B. 14. C. 15. D. 16.

Câu 8: Phát biểu nào dưới đây SAI?

- A. Nguyên tố hóa học là tập hợp những nguyên tử có cùng số proton trong hạt nhân.
B. Nguyên tố hóa học được đặc trưng bởi số notron có trong hạt nhân nguyên tử.
 C. Các nguyên tử của cùng nguyên tố hóa học có tính chất hóa học giống nhau.
 D. Nguyên tố hóa học nhân tạo là những nguyên tố do con người tổng hợp ra.

Câu 9: A và B là hai nguyên tố trong cùng một nhóm và ở hai chu kì liên tiếp trong bảng tuần hoàn các NTHH. Tổng số hạt proton trong hạt nhân của A và B là 32. Hai nguyên tố đó là:

- A. Mg và Ca.** B. O và S. C. N và Si. D. C và Si.

Câu 10: Số chu kì nhỏ trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học là:

- A. 1. B. 2. **C. 3.** D. 4.

Câu 11. Thành phần nào dưới đây là chất thải của hệ hô hấp?

- A. Nước tiểu. B. Mồ hôi. C. Khí ôxi. **D. Khí cacbonic.**

Câu 12. Trong quá trình trao đổi chất, máu và nước mô sẽ cung cấp cho tế bào những gì?

- A. Khí Oxygen và chất thải. B. Khí cacbonic và chất thải.
C. Khí Oxygen và chất dinh dưỡng. D. Khí cacbonic và chất dinh dưỡng.

Câu 13. Trong quá trình trao đổi chất ở tế bào, khí cacbonic sẽ theo mạch máu tới bộ phận nào để thải ra ngoài?

- A. Phổi.** B. Dạ dày. C. Thận. D. Gan.

Câu 14. Cơ quan chính thực hiện quá trình quang hợp ở thực vật là:

- A. rễ cây. B. thân cây. **C. lá cây.** D. hoa.

Câu 15. Thân non của cây có màu xanh lục có quang hợp được không? Vì sao?

- A. Không, vì thân non chỉ làm nhiệm vụ vận chuyển chất dinh dưỡng.
B. Có, vì thân non cũng chứa chất diệp lục như lá cây.
 C. Có, vì thân non cũng được cung cấp đầy đủ nước và muối khoáng.
 D. Không, vì quá trình quang hợp chỉ diễn ra ở lá cây.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Trong quá trình quang hợp, cây hấp thụ khí oxygen để tổng hợp chất hữu cơ.

B. Quang hợp là quá trình sinh vật sử dụng ánh sáng để phân giải chất hữu cơ.

C. Một trong các sản phẩm của quang hợp là khí oxygen.

D. Quang hợp là quá trình sinh lí quan trọng xảy ra trong cơ thể mọi sinh vật.

Câu 17. Yếu tố khí cacbon dioxide ảnh hưởng đến quang hợp của cây xanh như thế nào?

A. Hiệu quả quang hợp tăng khi nồng độ khí cacbon dioxide tăng và ngược lại.

B. Hiệu quả quang hợp giảm khi nồng độ khí cacbon dioxide tăng và ngược lại.

C. Khi nồng độ khí cacbon dioxide quá cao thì hiệu quả quang hợp càng tăng.

D. Khi nồng độ khí cacbon dioxide quá thấp thì hiệu quả quang hợp càng tăng.

Câu 18. Đặc điểm nhận biết cá vẫn còn tươi là:

A. vảy dễ bong

B. mang cá màu đỏ thẫm

C. mang cá màu đỏ tươi

D. mang cá màu trắng

Câu 19. Khí khổng phân bố nhiều ở bộ phận nào của thực vật?

A. Rễ cây

B. Thân cây

C. Lá cây

D. Quả

chín

Câu 20. Vai trò của tập thể dục và hít thở sâu đối với cơ thể người là:

A. giúp cơ thể lấy được nhiều khí oxygen các hoạt động của cơ thể diễn ra thuận lợi hơn.

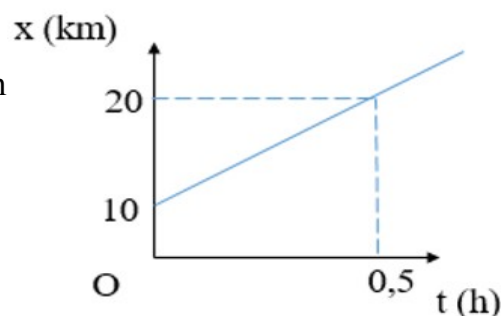
B. giúp cơ thể sinh trưởng và phát triển với tốc độ nhanh hơn.

C. giúp cơ thể tránh bị ngộ độc khí oxygen.

D. giúp tăng giới hạn chịu đựng của con người.

B. TỰ LUẬN: 5 ĐIỂM

Câu 1: (1.25 đ) Đồ thị sự phụ thuộc tọa độ theo thời gian của một xe khách như trên hình vẽ.



Dựa vào đồ thị trên cho biết:

a) Xe khách xuất phát cách mốc bao nhiêu km? (0.5đ)

b) Tốc độ của xe khách là bao nhiêu? (0.5đ)

c) Biết xe khách cần đi tới một địa điểm cách mốc 100km.

Hỏi sau bao lâu kể từ khi xuất phát xe khách sẽ đến được điểm đó? (0.25đ)

Câu 2: (1.25 đ) Cho các nguyên tố hóa học sau: Na, C, S, O, Al.

a. Cho biết nguyên tử O có số p là bao nhiêu? (0,5 đ)

b. Hãy sắp xếp chúng vào bảng dưới đây (0,75 đ)

Phi kim	Kim loại

c. Trong các nguyên tố trên, nguyên tố nào nằm ở nhóm VIA thuộc chu kì 2? (0,25đ)

Câu 3: (1.0 điểm) Nêu vai trò của quá trình thoát hơi nước đối với cây (1 điểm)

Câu 4: (1.5 điểm) a. Vì sao cần cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cho sinh vật (0.75 điểm)

b. Nếu bản thân em thừa các chất dinh dưỡng sẽ gây ra các tác hại gì? (0.5 điểm)

c. Trong sản xuất nông nghiệp ở địa phương, em thấy có những tác nhân nào gây ô nhiễm thực phẩm (0.25 điểm)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (5,0 ĐIỂM):

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐÁP ÁN	D	C	D	A	C	A	A	B	A	C
CÂU	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐÁP ÁN	D	C	A	C	B	C	A	C	C	A

B. TỰ LUẬN: 5 ĐIỂM

Câu 1: (1.25 đ)

a. Xe khách xuất phát cách mốc 10 km

b. - Biết quãng đường xe đi được: $s = 20 - 10 = 10$ km

- Thời gian đi: 0,5 h

- Tốc độ của xe khách: $v = s/t = 10/0,5 = 20$ (km/h)

c. Để xe khách cần đi tới một địa điểm cách mốc 100km thì thời gian cần phải đi là:

$$100 : 20 = 5 \text{ (giờ)}$$

Câu 2: (1.25 đ) Cho các nguyên tố hóa học sau: Na, C, S, O, Al.

a. Nguyên tử O có số p là: **8** (0,5 đ)

b. Hãy sắp xếp chúng vào bảng dưới đây (0,75 đ)

Phi kim	Kim loại
C, S, O	Na, Al

c. Trong các nguyên tố trên, nguyên tố nào nằm ở nhóm VIA thuộc chu kì 2 là: **O** (0,25đ)

Câu 3: (1.0 điểm) Nêu vai trò của quá trình thoát hơi nước đối với cây (1 điểm)

- Thoát hơi nước là động lực đầu trên của dòng mạch gỗ, có vai trò giúp vận chuyển nước và các ion khoáng từ rễ lên lá và đến các bộ phận khác ở trên mặt đất của cây.

- Thoát hơi nước có tác dụng hạ nhiệt độ của lá.

- Thoát hơi nước giúp cho khí CO₂ khuếch tán vào bên trong lá cần cho quang hợp.

Câu 4: (1.5 điểm)

- Vì sao cần cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cho sinh vật (0.75 điểm)
- Nếu bản thân em thừa các chất dinh dưỡng sẽ gây ra các tác hại gì? (0.5 điểm)
- Trong sản xuất nông nghiệp ở địa phương, em thấy có những tác nhân nào gây ô nhiễm thực phẩm (0.25 điểm)

HD:

- Trong quá trình phát triển của sinh vật cần được cung cấp đầy đủ dinh dưỡng thiết yếu. Để có thể phát triển một cách toàn diện, cân đối, khỏe mạnh. Chất dinh dưỡng Là nguyên liệu xây dựng tế bào, cung cấp năng lượng. tham gia điều hòa các hoạt động sống của tế bào và cơ thể.
- Thừa chất dinh dưỡng:- Năng lượng được tích trữ tạo thành lớp mỡ, khiến cân nặng tăng đồng thời lớp mỡ tích trữ có gây tắc nghẽn mạch máu gây xơ vữa động mạch, huyết áp cao, tạo cục huyết đông,... các bệnh về rối loạn quá trình sinh hóa của cơ thể như tiểu đường, gout,..
- HS tự liên hệ

<p>uigeli.xyz</p> <p>ĐỀ 5</p>	<p>ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I</p> <p>NĂM HỌC 2024-2025</p> <p>MÔN: KHTN 7</p> <p>KẾT NỐI TRI THỨC</p>
--------------------------------------	--

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (5,0 ĐIỂM):

Câu 1. Để học tốt môn KHTN, chúng ta cần thực hiện và rèn luyện một số kỹ năng sau:

A. quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo.

B. quan sát, phân loại, liên kết, đo, thuyết trình, viết báo cáo, dự báo.

C. quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo, thuyết trình, viết báo cáo.

D. quan sát, liên kết, phân loại, đo, dự báo, thuyết trình, viết báo cáo.

Câu 2. Đơn vị sau đây **không phải** là đơn vị của tốc độ là:

A. m/s

B. kg/m³.

C. km/h

D. Cả A và B

Câu 3. Cho các bước sau.

1. Dùng thước đo độ dài quãng đường s. Xác định vạch xuất phát và vạch đích.

2. Nhận xét kết quả đo.

3. Lập bảng ghi kết quả đo, tính trung bình quãng đường và thời gian trong 3 lần đo, sau đó tính tốc độ.

4. Dùng đồng hồ bấm giây đo thời gian tính từ khi bắt đầu chuyển động từ vạch xuất phát tới khi vượt qua vạch đích.

5. Thực hiện các phép đo 3 lần để lấy giá trị trung bình.

Thứ tự sắp xếp đúng các bước trong đo tốc độ bằng đồng hồ bấm giây là:

A. (1) - (2) - (3) - (4) - (5).

B. (1) - (4) - (5) - (3) - (2).

C. (1) - (2) - (3) - (5) - (4).

D. (2) - (1) - (3) - (5) - (4).

Câu 4. Thiết bị bắn tốc độ của Công an giao thông dùng để:

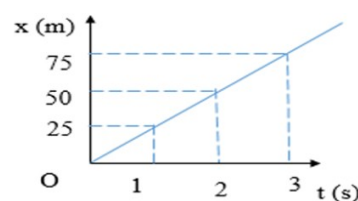
A. Đo tốc độ các phương tiện giao thông từ xa

B. Đo quãng đường chuyển động của các phương tiện giao thông từ xa

C. Đo thời gian chuyển động của các phương tiện giao thông từ xa

D. Phát hiện tốc độ các phương tiện giao thông từ xa

Câu 5. Một vật chuyển động thẳng đều có đồ thị tọa độ theo thời gian như trên hình vẽ. Dựa vào đồ thị trên hãy cho biết vật chuyển động với vận tốc là bao nhiêu?



A. 75m/s

B. 50m/s

C. 150m/s

D. 25m/s

Câu 6: Kí hiệu hoá học của các nguyên tố Sodium, Calcium lần lượt là:

A. Na, K

B. Ca, Zn.

C. Na, Ca

D. Mg, Na.

Câu 7: Tổng số hạt trong nguyên tử X là 40, trong đó số hạt mang điện nhiều hơn số hạt không mang điện là 12. Số hạt Proton trong nguyên tử X là:

A. 13.

B. 14.

C. 15.

D. 16.

Câu 8: Phát biểu nào dưới đây SAI?

A. Nguyên tố hóa học là tập hợp những nguyên tử có cùng số proton trong hạt nhân.

B. Nguyên tố hóa học được đặc trưng bởi số notron có trong hạt nhân nguyên tử.

C. Các nguyên tử của cùng nguyên tố hóa học có tính chất hóa học giống nhau.

D. Nguyên tố hóa học nhân tạo là những nguyên tố do con người tổng hợp ra.

Câu 9: A và B là hai nguyên tố trong cùng một nhóm và ở hai chu kì liên tiếp trong bảng tuần hoàn các NTHH. Tổng số hạt proton trong hạt nhân của A và B là 32. Hai nguyên tố đó là:

A. O và S.

B. Mg và Ca

C. N và Si.

D. C và Si.

Câu 10: Số chu kì nhỏ trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học là:

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 11. Thành phần nào dưới đây là chất thải của hệ hô hấp?

A. Khí cacbôníc.

B. Nước tiểu.

C. Mồ hôi.

D. Khí ôxi

Câu 12. Trong quá trình trao đổi chất, máu và nước mô sẽ cung cấp cho tế bào những gì?

A. Khí Oxygen và chất thải.

B. Khí cacbôníc và chất thải.

C. Khí Oxygen và chất dinh dưỡng.

D. Khí cacbôníc và chất dinh dưỡng.

Câu 13. Trong quá trình trao đổi chất ở tế bào, khí cacbôníc sẽ theo mạch máu tới bộ phận nào để thải ra ngoài?

A. Phổi.

B. Dạ dày.

C. Thận.

D. Gan.

Câu 14. Cơ quan chính thực hiện quá trình quang hợp ở thực vật là:

A. rễ cây.

B. lá cây.

C. thân cây.

D. hoa.

Câu 15. Thân non của cây có màu xanh lục có quang hợp được không? Vì sao?

A. Không, vì thân non chỉ làm nhiệm vụ vận chuyển chất dinh dưỡng.

B. Có, vì thân non cũng được cung cấp đầy đủ nước và muối khoáng.

C. Không, vì quá trình quang hợp chỉ diễn ra ở lá cây.

D. Có, vì thân non cũng chứa chất diệp lục như lá cây.

Câu 16 . Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Trong quá trình quang hợp, cây hấp thụ khí oxygen để tổng hợp chất hữu cơ.

B. Quang hợp là quá trình sinh vật sử dụng ánh sáng để phân giải chất hữu cơ.

C. Một trong các sản phẩm của quang hợp là khí oxygen.

D. Quang hợp là quá trình sinh lí quan trọng xảy ra trong cơ thể mọi sinh vật.

Câu 17. Yếu tố khí cacbon dioxide ảnh hưởng đến quang hợp của cây xanh như thế nào?

A. Hiệu quả quang hợp tăng khi nồng độ khí cacbon dioxide tăng và ngược lại.

B. Hiệu quả quang hợp giảm khi nồng độ khí cacbon dioxide tăng và ngược lại.

C. Khi nồng độ khí cacbon dioxide quá cao thì hiệu quả quang hợp càng tăng.

D. Khi nồng độ khí cacbon dioxide quá thấp thì hiệu quả quang hợp càng tăng.

Câu 18. Đặc điểm nhận biết cá vẫn còn tươi là:

A. vảy dễ bong

B. mang cá màu đỏ thẫm

C. mang cá màu đỏ tươi

D. mang cá màu trắng

Câu 19. Khí khổng phân bố nhiều ở bộ phận nào của thực vật?

A. Rễ cây

B. Thân cây

C. Lá cây

D. Quả

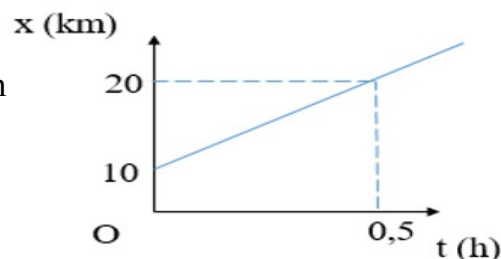
chín

Câu 20. Vai trò của tập thể dục và hít thở sâu đối với cơ thể người là:**C. giúp cơ thể lấy được nhiều khí oxygen các hoạt động của cơ thể diễn ra thuận lợi hơn.**

B. giúp cơ thể sinh trưởng và phát triển với tốc độ nhanh hơn.

C. giúp cơ thể tránh bị ngộ độc khí oxygen.

D. giúp tăng giới hạn chịu đựng của con người.

B. TỰ LUẬN: 5 ĐIỂM**Câu 1: (1.25 đ)** Đồ thị sự phụ thuộc tọa độ theo thời gian của một xe khách như trên hình vẽ.**Dựa vào đồ thị trên cho biết:**

a) Xe khách xuất phát cách mốc bao nhiêu km? (0.5đ)

b) Tốc độ của xe khách là bao nhiêu? (0.5đ)

c) Biết xe khách cần đi tới một địa điểm cách mốc 100km. Hỏi sau bao lâu kể từ khi xuất phát xe khách sẽ đến được điểm đó? (0.25đ)

Câu 2: (1.25 đ) Cho các nguyên tố hóa học sau: Na, C, S, O, Al.

a. Cho biết nguyên tử O có số p là bao nhiêu? (0,5 đ)

b. Hãy sắp xếp chúng vào bảng dưới đây (0,75 đ)

Phi kim	Kim loại

c. Trong các nguyên tố trên, nguyên tố nào nằm ở nhóm VIA thuộc chu kì 2? (0,25đ)

Câu 3: (1.0 điểm) Nêu vai trò của quá trình thoát hơi nước đối với cây (1 điểm)**Câu 4: (1.5 điểm)**

a. Vì sao cần cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cho sinh vật (0.75 điểm)

b. Nếu bản thân em thừa các chất dinh dưỡng sẽ gây ra các tác hại gì? (0.5 điểm)

c. Trong sản xuất nông nghiệp ở địa phương, em thấy có những tác nhân nào gây ô nhiễm thực phẩm (0.25 điểm)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (5,0 ĐIỂM):

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐÁP ÁN	A	B	D	A	D	C	A	B	B	C
CÂU	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐÁP ÁN	A	C	A	B	D	C	A	C	C	A

B. TỰ LUẬN: 5 ĐIỂM

Câu 1: (1.25 đ)

- a. Xe khách xuất phát cách mốc 10 km
- b. - Biết quãng đường xe đi được: $s = 20 - 10 = 10 \text{ km}$
 - Thời gian đi: 0,5 h
 - Tốc độ của xe khách: $v = s/t = 10/0,5 = 20 \text{ (km/h)}$
- c. Để xe khách cần đi tới một địa điểm cách mốc 100km thì thời gian cần phải đi là:

$$100 : 20 = 5 \text{ (giờ)}$$

Câu 2: (1.25 đ) Cho các nguyên tố hóa học sau: Na, C, S, O, Al.

- a. Nguyên tử O có số p là: **8** (0,5 đ)
- b. Hãy sắp xếp chúng vào bảng dưới đây (0,75 đ)

Phi kim	Kim loại
C, S, O	Na, Al

- c. Trong các nguyên tố trên, nguyên tố nào nằm ở nhóm VIA thuộc chu kì 2 là: **O** (0,25đ)

Câu 3: (1.0 điểm) Nêu vai trò của quá trình thoát hơi nước đối với cây (1 điểm)

- Thoát hơi nước là động lực đầu trên của dòng mạch gỗ, có vai trò giúp vận chuyển nước và các ion khoáng từ rễ lên lá và đến các bộ phận khác ở trên mặt đất của cây.
- Thoát hơi nước có tác dụng hạ nhiệt độ của lá.
- Thoát hơi nước giúp cho khí CO₂ khuếch tán vào bên trong lá cần cho quang hợp.

Câu 4: (1.5 điểm)

- a. Vì sao cần cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cho sinh vật (0.75 điểm)
- b. Nếu bản thân em thừa các chất dinh dưỡng sẽ gây ra các tác hại gì? (0.5 điểm)

c. Trong sản xuất nông nghiệp ở địa phương, em thấy có những tác nhân nào gây ô nhiễm thực phẩm (0.25 điểm)

HD:

a. Trong quá trình phát triển của sinh vật cần được cung cấp đầy đủ dinh dưỡng thiết yếu. Để có thể phát triển một cách toàn diện, cân đối, khoẻ mạnh. Chất dinh dưỡng Là nguyên liệu xây dựng tế bào, cung cấp năng lượng. tham gia điều hòa các hoạt động sống của tế bào và cơ thể.

b. Thừa chất dinh dưỡng:- Năng lượng được tích trữ tạo thành lớp mỡ, khiến cân nặng tăng đồng thời lớp mỡ tích trữ có gây tắc nghẽn mạch máu gây xơ vữa động mạch, huyết áp cao, tạo cục huyết đông,... các bệnh về rối loạn quá trình sinh hóa của cơ thể như tiểu đường, gout,...

c. HS tự liên hệ

uigeli.xyz ĐỀ 6	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: KHTN 7 KẾT NỐI TRI THỨC
---------------------------	---

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (0,75 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng trong các câu sau:

Câu 1: Đồng (copper) và carbon là các

- A. Hợp chất. B. Hỗn hợp.
C. Nguyên tử thuộc cùng một nguyên tố hoá học. D. Nguyên tố hoá học.

Câu 2: Nguyên tử magnesium có 12 hạt proton và 12 hạt neutron. Khối lượng nguyên tử magnesium là

- A. 24 amu. B. 23 amu. C. 25 amu. D. 26 amu.

Câu 3: Trong hạt nhân nguyên tử lưu huỳnh (sulfur) có 16 proton. Số electron trong các lớp của vỏ nguyên tử sulfur, viết từ lớp trong ra lớp ngoài lần lượt là:

- A. 2,10,6. B. 2,6,8. C. 2,8,6. D. 2,9,5

II. PHẦN TỰ LUẬN (1,75 điểm)

Câu 4: (0,5 điểm)

Hãy viết kí hiệu hoá học của các nguyên tố sau:

Iron, Carbon, Sodium, Aluminium, Chlorine.

Câu 5: (1,25 điểm) Hoàn thành bảng thông tin sau:

Nguyên tử	Số proton	Số neutron	Số electron	Khối lượng nguyên tử (amu)
a)Hydrogen	1	0		
b)Nitrogen		7	7	

c)Potassium	19			39
-------------	----	--	--	----

ĐÁP ÁN**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (0,75 điểm)**

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3
Đáp án	D	A	C

PHẦN II. TỰ LUẬN (1,75 điểm)

Câu	Hướng dẫn					Điểm
Câu 4						0,5
	Viết đúng kí hiệu hoá học của các nguyên tố mỗi câu được 0,1 điểm: Iron -Fe, Carbon-C, Sodium-Na, Aluminium-Al, Chlorine-Cl.					0,1X 5
Câu 5						1,25
	Điền đúng mỗi thông tin được 0,25 điểm:					
	Nguyên tử	Số proton	Số neutron	Số electron	Khối lượng nguyên tử (amu)	0,25X5
	a)Hydrogen	1	0	1	1	
	b)Nitrogen	7	7	7	14	
	c)Potassium	19	20	19	39	

-----Hết-----